

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2022

V/v “*Kiên ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa;

2. Ông Hoàng Văn Ngân;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 17/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2022 giữa :

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T - sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 4, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 4, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau ngày 10/5/2004 tại UBND thị trấn Y, huyện Ln, tỉnh Y trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không quan tâm chăm sóc đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng

xa cách. Đến nay chị Đỗ Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Thùy D sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 28/11/2008. Hiện nay các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường, cháu Dung đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Quang T đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn N và tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N nhưng anh N không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 28/11/2008 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 Điều 28; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn ngày 10/5/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng dần xa cách. Chị Đỗ Thị T đã cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, chính quyền địa phương cũng xác định hiện anh chị đang sống ly thân, không ở cùng nhau. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thùy D sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 28/11/2008. Chị Đỗ Thị T làm tự do, thu nhập hàng tháng khoảng là 7.000.000 đồng/tháng, chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị Đỗ Thị T có khả năng, điều kiện để nuôi con chung. Hiện cháu D đã đến tuổi trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh chị xảy ra mâu thuẫn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trương về mọi mặt, hơn nữa cháu Nguyễn Quang T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Quang T cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn N, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 28/11/2008 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001513 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, chị Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu HS; Lưu TA;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hòa

Hoàng Văn Ngân

Hà Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh

